



BSC WEEKLY REVIEW
Tuần 10 (04/03-08/03/24)

Dự báo danh mục
MarketVector Vietnam Local Index Quý 1 năm 2024

NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Cẩn trọng với những nhịp tăng mạnh áp sát vùng kháng cự 1,280 – 1,300 điểm*

2. CHUYÊN MỤC TUẦN: *Dự báo danh mục MarketVector Vietnam Local Index Quý 1 năm 2024*

3. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

4. PTKT VN-INDEX: *VN-Index đang hướng tới ngưỡng cản tiếp theo tại 1,280 – 1,300 điểm*

5. TIN VĨ MÔ: *Thủ tướng: Quyết tâm nâng hạng TTCK Việt Nam lên thị trường mới nổi trong năm 2025*

6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Dịch vụ tài chính +7.77%*

7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

8. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

CHIẾN THUẬT TUẦN: Cần trọng với những nhịp tăng mạnh áp sát vùng kháng cự 1,280 – 1,300 điểm

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1258.28	3.82%
GTGD/phiên (tỷ VND)	21,659.02	-0.58%
Khối ngoại (tỷ VND)	109.35	
HNX-INDEX	236.43	2.32%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1833.37	12.92%
Khối ngoại (tỷ VND)	22.68	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	5137.08	0.80%	0.95%	3.60%
EU (EURO STOXX)	4894.86	0.35%	0.46%	5.16%
China (SHCOMP)	3027.02	0.39%	0.74%	10.87%
Japan (NIKKEI)	39910.82	1.90%	2.08%	10.38%
Korea (KOSPI)	2642.36	0.00%	-0.95%	1.03%
Singapore (STI)	3135.76	-0.19%	-1.54%	-1.38%
Thailand (SET)	1367.42	-0.24%	-2.20%	-1.20%
Phillipines (PCOMP)	6919.59	-0.36%	0.09%	3.17%
Malaysia (KLCI)	1538.02	-0.87%	-0.72%	1.41%
Indonesia (JCI)	7311.91	-0.06%	0.23%	1.01%
Vietnam (VNIndex)	1258.28	0.44%	3.82%	7.31%

TTCK VIỆT NAM

VN-Index có tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 1/2023

Đóng cửa tại 1,257 điểm, VN-Index có tuần tăng mạnh nhất kể từ tháng 1/2023. Đà rộng tăng điểm chiếm ưu thế với 64% cổ phiếu và 12/18 ngành tăng điểm. Nhóm cổ phiếu Ngân hàng đóng vai trò giữ nhịp đồng thời là lực đẩy giúp VN-Index vượt qua cản 1.250 điểm. Thanh khoản duy trì mức cao, khối ngoại mua ròng và xu hướng tăng ổn định của VN-Index đã tạo nền cho dòng tiền luân chuyển đầy đặn mặt bằng giá. Các ngành tài nguyên cơ bản, DV tài chính, bán lẻ có mức tăng từ 3.9% - 6.9% trong khi ngành BĐS điều chỉnh do một số cổ phiếu chủ chốt giảm sau nhịp tăng trước đó. VN-Index có nhịp tăng mạnh tuy nhiên dấu hiệu phân kỳ đang xuất hiện cảnh báo những biến động khó lường khi chỉ số tiến gần ngưỡng kháng cự tại 1,280 – 1,300 điểm. NĐT cân nhắc chốt lãi một phần để có thể chủ động trước biến động ngắn hạn trong một xu thế tăng trung dài hạn.

GSO công bố các chỉ tiêu kinh tế xã hội tháng 2, theo đó chỉ số sx công nghiệp giảm 18% mom và tăng 5.7% yoy trong 2 tháng; tổng mức bán lẻ HH và DVTD giảm 2.3% mom và tăng 8.1% yoy trong 2 tháng; XNK giảm 25.8% mom và tăng 18.6% yoy trong 2 tháng; Xuất siêu 2 tháng ước 4.7 tỷ USD; Vốn đầu tư từ ngân sách giảm 13.1% mom và tăng 2.1% yoy 2 tháng; FDI đăng ký và giải ngân 2 tháng tăng lần lượt 28.6% và 9.8% yoy; Thặng dư ngân sách 2 tháng đạt 139 nghìn tỷ; CPI tăng 1% mom, CPI bình quân 2 tháng tăng 3.67% yoy, CPI cơ bản tăng 2.84%; Khách quốc 2 tháng tăng 68.7% yoy. Dữ liệu tháng 2 có phần bị nhiễu bởi kỳ nghỉ Lễ kéo dài tuy nhiên số liệu 2 tháng cho thấy dấu hiệu tích cực ngoại trừ một vài điểm cần lưu ý về Bán lẻ HH và DVTD đang có xu hướng giảm và áp lực tỷ giá đang gia tăng.

TTCK THẾ GIỚI

Các chỉ số chứng khoán Hoa Kỳ thay nhau lập đỉnh mọi thời đại

Theo sau chỉ số S&P 500, Dow Jones, Nasdaq vượt 16,091 điểm, ghi nhận mức đỉnh mọi thời đại. Nasdaq, S&P 500, và Dow Jones tháng 2 đã tăng lần lượt 6.1%, 5.1% và 2.2%, ghi nhận 4 tháng tăng điểm liên tiếp. Các cổ phiếu công nghệ vẫn đang là tâm điểm của đợt tăng giá. Các chỉ số chính Châu Âu phân hóa, EU600 giảm 0.2% trong khi Nikkei 225 duy trì đà tăng ấn tượng 2.2%, mở rộng đà tăng 10.9% và 45.9% trong tháng và năm. DXY tiếp tục duy trì đà tăng 0.2% khi nền kinh tế Hoa Kỳ vững vàng hơn các nền kinh tế chủ chốt khác. Chỉ số hàng ghi nhận mức tăng 0.4%, đóng góp chủ yếu từ giá dầu, gas tự nhiên và vàng. Nhìn chung các thị trường tuần qua không biến động mạnh. Tuần tới, thị trường sẽ có cuộc họp chính sách tiền tệ ECB, Canada và đặc biệt phiên điều trần chủ tịch FED trước quốc hội.

Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân lõi (PCE), chỉ số lạm phát FED ưa thích, tăng 0.4% tháng trước và tăng 2.8% cùng kỳ. Giá tăng dịch vụ tăng 0.6% mom trong khi giá hàng hóa giảm 0.2%. Điều này cho thấy áp lực lạm phát tháng 1 phản ánh giá dịch vụ cao hơn giá hàng hóa, đồng nghĩa nền kinh tế đang trở lại hoạt động bình thường hậu Covid. Thu nhập cá nhân tháng 1/2024 tăng 1%, cao hơn dự báo 0.3% trong khi chi tiêu giảm 0.1% so với dự báo tăng 0.2%. Báo cáo Cục phân tích kinh tế cho thấy tỷ lệ tiết kiệm ở mức 3.8%, giảm nhẹ tháng 12 nhưng tăng 1% so tháng 6/2023. Số liệu CPI khớp với dự báo các chuyên gia và cho thấy chi tiêu của người tiêu dùng vẫn mạnh.

CHUYÊN MỤC TUẦN: Dự báo danh mục MarketVector Vietnam Local Index Quý 1 năm 2024

Ngày 08/03/2024, MarketVector Vietnam Local Index dự kiến sẽ công bố danh mục cổ phiếu thành phần. Ngày 15/03/2023 dự kiến là ngày hoàn tất việc cơ cấu toàn bộ danh mục của ETF tham chiếu theo bộ chỉ số này.

Dựa trên số liệu kết thúc ngày 29/02, BSC dự báo danh mục cổ phiếu thành phần và số lượng cổ phiếu mua/bán đối với các ETF tham chiếu theo các chỉ số, cụ thể như sau:

- FTS và FRT có thể được thêm vào do nằm trong top 85% vốn hóa free-float tích lũy trong số các cổ phiếu đủ điều kiện.
- HDG và HNG có thể bị loại do nằm ngoài top 98% vốn hóa free-float tích lũy.

Giá trị có thể bị sai lệch do ngày áp dụng dữ liệu, tỷ lệ free-float, trọng số đầu tư.

Mã	Tỷ trọng hiện tại	Tỷ trọng mới	% Thay đổi	Giá trị mua/bán	SLCP mua/bán	KLGDTB/tháng gần nhất	Số phiên giao dịch dự kiến	Ghi chú
FTS	0.00%	0.92%	0.92%	122.29	2,145,476	1,344,997	1.60	Dự kiến thêm mới
FRT	0.00%	1.06%	1.06%	141.10	973,081	616,862	1.58	Dự kiến thêm mới
BVH	0.87%	0.89%	0.02%	2.07	48,307	461,044	0.10	
SBT	0.87%	0.88%	0.01%	1.97	148,309	2,912,108	0.05	
VPI	1.30%	1.32%	0.02%	2.80	48,328	974,927	0.05	
SAB	1.58%	1.60%	0.02%	3.32	56,761	1,234,802	0.05	
HUT	1.73%	1.76%	0.03%	3.92	204,376	4,884,910	0.04	
KDC	1.16%	1.18%	0.02%	2.97	47,029	1,265,460	0.04	
VJC	1.41%	1.43%	0.02%	3.11	30,157	836,533	0.04	
MSN	4.24%	4.31%	0.07%	9.24	131,308	3,652,621	0.04	
POW	1.15%	1.17%	0.02%	2.29	196,475	7,001,771	0.03	
TCH	0.88%	0.90%	0.02%	2.50	191,030	7,755,263	0.02	
DPM	1.12%	1.13%	0.01%	1.92	55,388	2,550,719	0.02	
IDC	1.35%	1.37%	0.02%	2.94	49,830	2,483,473	0.02	
VCI	2.77%	2.82%	0.05%	6.19	135,821	6,821,267	0.02	
VCG	1.04%	1.06%	0.02%	2.67	109,348	6,449,742	0.02	
KBC	1.35%	1.37%	0.02%	3.24	104,486	6,535,660	0.02	
VND	4.30%	4.37%	0.07%	8.83	389,835	26,769,590	0.01	
DGC	2.69%	2.73%	0.04%	5.27	47,026	3,381,683	0.01	
NVL	3.23%	3.28%	0.05%	6.82	398,855	28,755,743	0.01	
HAG	1.15%	1.17%	0.02%	2.40	187,675	13,674,824	0.01	
DCM	0.90%	0.92%	0.02%	2.30	68,134	5,068,946	0.01	
VRE	2.28%	2.32%	0.04%	5.13	193,600	14,495,399	0.01	
KDH	0.70%	0.71%	0.01%	1.45	41,986	3,612,711	0.01	
VIX	2.37%	2.41%	0.04%	5.45	297,597	27,414,628	0.01	
PVD	0.94%	0.96%	0.02%	2.04	65,906	6,292,283	0.01	
PVS	1.00%	1.02%	0.02%	2.11	57,376	5,635,624	0.01	
SHB	2.16%	2.19%	0.03%	4.30	364,063	35,983,759	0.01	
PDR	1.67%	1.70%	0.03%	3.43	118,130	11,799,091	0.01	
CEO	1.06%	1.08%	0.02%	2.05	92,278	9,243,841	0.01	
GEX	1.48%	1.50%	0.02%	3.04	136,370	15,293,908	0.01	
EIB	1.79%	1.82%	0.03%	3.97	219,500	25,696,724	0.01	
SHS	1.06%	1.08%	0.02%	2.34	132,079	19,895,003	0.01	
DXG	0.77%	0.78%	0.01%	1.05	57,805	9,302,954	0.01	
DIG	1.51%	1.53%	0.02%	2.84	104,179	18,776,716	0.01	
HSG	0.80%	0.81%	0.01%	1.24	54,674	10,053,280	0.01	
VNM	8.06%	8.00%	-0.06%	(8.01)	(111,304)	4,611,608	(0.02)	
VIC	8.07%	8.00%	-0.07%	(9.35)	(207,768)	5,977,335	(0.03)	
SSI	5.81%	5.50%	-0.31%	(41.41)	(1,119,061)	23,081,626	(0.05)	
VHM	7.20%	7.00%	-0.20%	(26.71)	(615,509)	8,634,675	(0.07)	
HPG	7.00%	6.50%	-0.50%	(66.78)	(2,154,280)	28,646,549	(0.08)	
VHC	1.74%	1.47%	-0.27%	(36.02)	(490,108)	1,074,353	(0.46)	
VCB	6.52%	6.00%	-0.52%	(69.45)	(713,813)	1,531,580	(0.47)	
HDG	0.44%	0.00%	-0.44%	(58.77)	(2,213,513)	1,922,965	(1.15)	Dự kiến bị loại
HNG	0.46%	0.00%	-0.46%	(61.44)	(14,912,637)	7,759,104	(1.92)	Dự kiến bị loại

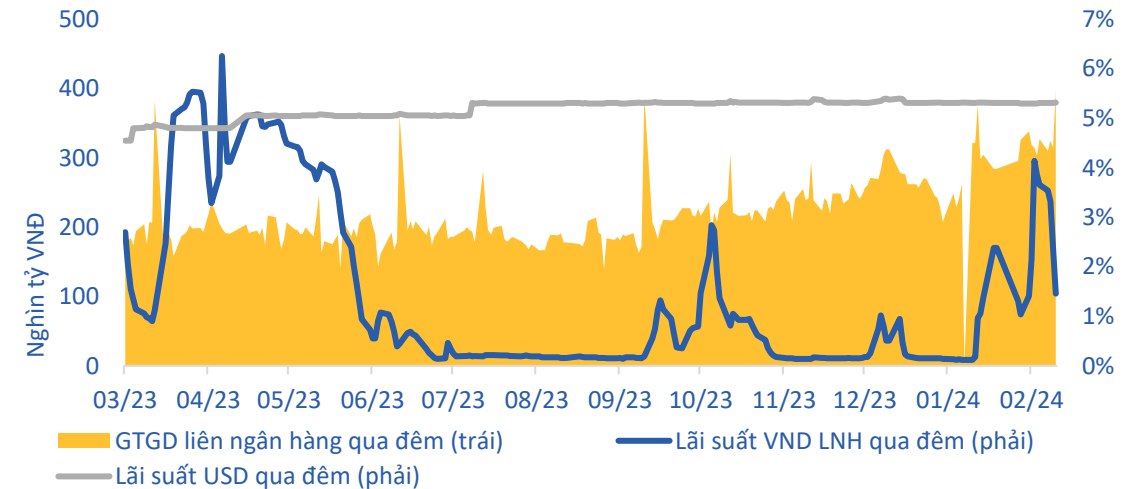
THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Giao dịch tín phiếu trên OMO:

Tuần	Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	Giá trị hút (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm (tỷ VNĐ)	Giá trị bơm ròng (tỷ VNĐ)
Tuần 8	19/02/2024	23/02/2024	0.00	6,037.51	6,037.51
Tuần 9	26/02/2024	01/03/2024	6,037.51	0.00	-6,037.51

Nguồn: BSC Research

Diễn biến giao dịch thị trường liên ngân hàng



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Giao dịch thị trường liên ngân hàng:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
Lãi suất liên ngân hàng BQ	2.68%	2.78%	2.56%	2.71%	2.99%	4.18%	5.38%
So với tuần trước	-0.36%	-0.23%	0.01%	0.42%	-0.16%	-0.01%	-0.03%
GTGD LNH BQ (tỷ VNĐ)	336,861.50	21,266	3,453	3,102	4,426	392	8
So với tuần trước	5.11%	-0.45%	-63.85%	52.38%	79.88%	-17.09%	17.19%

* Note: Dữ liệu cập nhật tới ngày 29/02/2024

Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Nhận xét:

- Trong tuần 09, SBV đã hút ròng 6,037.51 tỷ đồng qua OMO.
- Lãi suất liên ngân hàng giảm trở lại.

PTKT VN-INDEX: VN-Index đang hướng tới ngưỡng cản tiếp theo tại 1,280 – 1,300 điểm

Đồ thị ngày: Sau phiên chốt lãi cuối tuần trước, áp lực bán giảm nhanh tạo điều kiện cho thị trường có 3 phiên tăng điểm vượt qua ngưỡng cản 1,250 điểm. Dải bollinger mở rộng và hướng lên trên trong khi VN-Index bám sát dải bollinger band trên. Chỉ số RSI tăng trở lại vùng quá mua và có dấu hiệu phân kỳ âm nhẹ với VN-Index.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- RSI tăng 64 lên 77 điểm.
- MACD giữ trên đường tín hiệu và mở rộng so với mức 0. Thanh khoản giảm 5% so tuần trước.
- VN-Index vượt trên SMA 20, SMA 50, SMA 200 đồ thị ngày, và giá bám sát dải gần bollinger band trên.

Kết luận: Diễn biến tuần qua theo kịch bản tích cực khi giữ trên 1,200 điểm và tăng nhanh trở lại. VN-Index đang ở chu kỳ tăng giá mạnh và chỉ báo kỹ thuật đang trong vùng quá mua. Chỉ số RSI và MFI đang có dấu hiệu phân kỳ âm nhẹ với VN-Index. Trạng thái duy trì trong tuần tới sẽ là tín hiệu cảnh báo sớm cho khả năng đảo chiều trong ngắn (tín hiệu cần tiếp tục theo dõi). Chỉ số đang hướng dần đến ngưỡng cản tiếp theo tại 1,280 – 1,300 điểm, vùng điểm diễn ra sự kiện SCB trong năm 2012 và cũng điểm lưu ý về mặt kỹ thuật trong ngắn hạn.

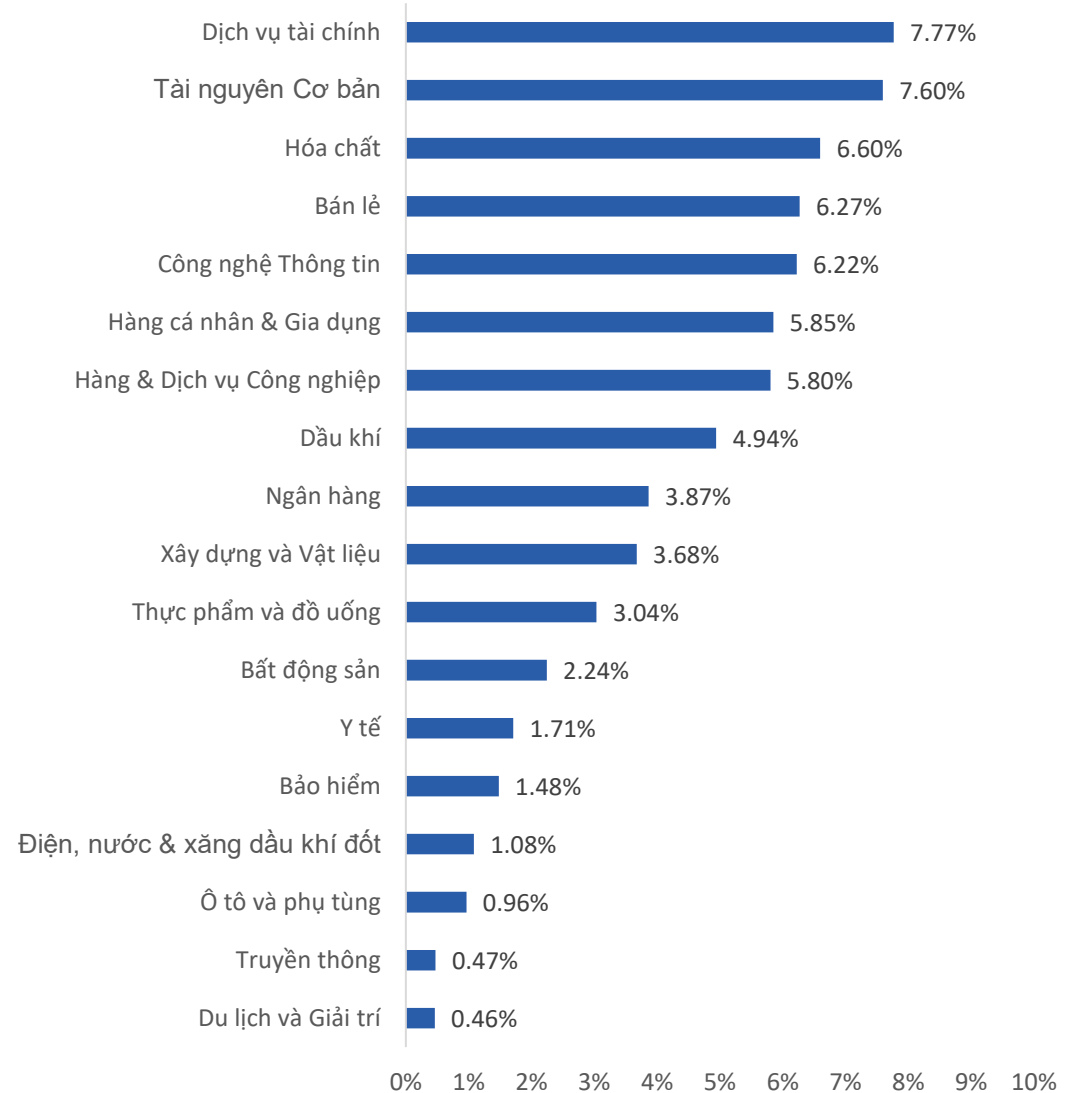


Nguồn: BSC Research

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Dịch vụ tài chính	1.69%	7.77%	9.12%	SSI	-1.87%	HCM	-1.82%
Tài nguyên Cơ bản	-0.07%	7.60%	9.23%	HPG	7.49%	HSG	10.20%
Hóa chất	1.56%	6.60%	17.81%	DRC	0.90%	DGC	0.94%
Bán lẻ	0.65%	6.27%	4.81%	MWG	-7.26%	PNJ	0.27%
Công nghệ Thông tin	1.69%	6.22%	9.85%	FPT	0.00%	CMG	-0.33%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	79.97	2.19%	4.55%	10.61%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/bbl.	83.55	2.00%	3.40%	8.41%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gal.	261.44	1.29%	4.19%	9.83%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	2082.9199	1.89%	2.33%	2.12%		PNJ
Bạc	USD/oz.	23.1235	1.98%	0.76%	1.91%		PNJ
Đậu tương	USD/bu.	1151.25	0.92%	0.83%	-3.92%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USD/bu.	557.75	-3.21%	-1.98%	-8.26%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.78	-2.27%	-5.99%	-5.20%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	300.6	1.28%	-1.28%	6.33%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USD/lb.	21.09	-2.77%	-3.35%	-8.42%	SBT, LSS, SLS, QNS	VNM, GTN, QNS
Cà phê	USD/lb.	183.3	-0.57%	1.66%	-3.02%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/MT	8503.5	0.12%	-0.75%	0.25%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	3788	-0.18%	-0.26%	-1.25%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	2245	0.76%	2.98%	0.51%		CAV, SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	CNY/MT	891	0.45%	-1.44%	-6.11%		HPG
Than đá	USD/MT	136	2.84%	9.02%	14.38%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	3910	0.03%	-0.03%	-1.64%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research

TIN VĨ MÔ: Thủ tướng: Quyết tâm nâng hạng TTCK Việt Nam lên thị trường mới nổi trong năm 2025

VIỆT NAM:

- Thủ tướng Phạm Minh Chính: Quyết tâm nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam từ cận biên lên mới nổi trong năm 2025. Đây là phát biểu tại Hội nghị triển khai nhiệm vụ phát triển thị trường chứng khoán ngày 28/02.
- NHNN: truyền thông điệp sẽ điều hành ổn định thị trường tiền tệ, tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư nhằm phát triển thị trường chứng khoán trong tương lai.
- Theo Phó Thống đốc NHNN Phạm Thanh Hà: thời gian qua, cơ quan này đã tích cực phối hợp làm việc với 2 tổ chức xếp hạng MSCI và FTSE Russell để giải đáp các câu hỏi, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực ngân hàng nhằm sớm nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam

Một số chỉ tiêu vĩ mô tháng 2/2024:

- Tăng trưởng tiêu dùng trong nước tiếp tục trên đà suy yếu: lũy kế +8.05% YoY (cùng kỳ +14.7%).
- Xuất, nhập khẩu: lũy kế +19.2% và +18% cho thấy đà hồi phục từ hoạt động xuất nhập khẩu.
- FDI tăng 38.6% YoY: đặc biệt là vốn đăng ký mới khi số dự án được cấp giấy chứng nhận đầu tư tăng mạnh 55.2%.
- Lạm phát tăng khá cao: CPI T2 +3.98% YoY do nhu cầu mua sắm hàng hóa và dịch vụ tăng cao dịp Tết.
- Tỷ giá có xu hướng chịu áp lực trong Q1: tỷ giá vẫn đang trong xu hướng tăng kể từ đầu năm và đã vượt ngưỡng 25,000/USD tại 1 vài phiên trên thị trường tự do.

THẾ GIỚI:

- Hoa Kỳ: lạm phát lõi PCE tháng 1 là 2.8% so với cùng kỳ năm ngoái như dự kiến. Tháng trước: 2.9%. PCE tổng thể: 2.4% như dự kiến (trước đó 2.6%).
- Hoa Kỳ: số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu trong tuần là 215,000, dự kiến là 210,000. Tuần trước: 202,000.
- Hoa Kỳ: lượng đơn đăng ký vay thế chấp giảm 5.6% (trước đó: -10.6%). Số lượng đơn xin đăng ký vay thế chấp tiếp tục giảm mạnh. Chỉ số mua nhà quay trở lại gần mức đáy được ghi nhận vào cuối năm ngoái.
- Eurozone: niềm tin người tiêu dùng suy yếu trong tháng 2: -15.5 (Dự báo: -15.5. Tháng trước: -16.1). Niềm tin kinh tế khu vực Eurozone tiếp tục xấu đi trong tháng 2 khi niềm tin trong ngành công nghiệp và dịch vụ đều giảm
- Theo khảo sát của Reuters: các nhà kinh tế dự đoán ECB sẽ thực hiện đợt cắt giảm lãi suất đầu tiên vào tháng 6.
- Country Garden: cho biết một chủ nợ đã khởi kiện lên tòa vì chậm trả với khoản 205 triệu USD và công ty đang đối mặt với nguy cơ phải thanh lý tài sản. Động thái này đe dọa tới triển vọng phục hồi của Country Garden và hủy hoại nỗ lực của Bắc Kinh trong việc vực dậy niềm tin ở lĩnh vực BĐS.
- Đức: CPI sơ bộ tháng 2 tăng 2.5% so với cùng kỳ năm ngoái, dự kiến tăng 2.6%.
- Bitcoin tăng 6% lên 60,320 USD, dần dần hướng tới mức kỷ lục mọi thời đại 68,982.20 USD. Trong tuần qua, giá đồng tiền ảo này đã tăng hơn 18% sau khi chững lại trong tuần trước. Còn xét từ đầu năm 2024, Bitcoin đã tăng hơn 40%.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Mùa ĐHCĐ với thông tin quan trọng về kế hoạch KD, chi trả cổ tức và ước KQKD quý I.
- 5/3, Chỉ số lạm phát lõi Tokyo, chủ tịch BOJ phát biểu; PMI dịch vụ Anh, EU, Trung Quốc và Hoa Kỳ. 6/3, GDP Úc; Lãi suất và biên bản lãi suất NHTW Canada; Thay đổi bảng lương phi nông nghiệp, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ, chủ tịch FED tham gia điều trần trong 2 ngày. 7/3, Cán cân thương mại Úc và Trung Quốc; Lãi suất và biên bản chính sách tiền ECB; Đơn xin trợ cấp thất nghiệp Hoa Kỳ. 8/3, Các khoản nợ mới Trung Quốc; GDP EU điều chỉnh; Tỷ lệ thất nghiệp Canada và Hoa Kỳ.

VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
VCB	9.45%	11.64
HPG	8.63%	3.53
FPT	6.64%	2.17
BID	2.88%	2.12
GVR	5.81%	1.59
TCB	4.36%	1.53
MSN	5.70%	1.35
DGC	14.00%	1.32
SSI	9.37%	1.19
MWG	5.91%	0.94
Tổng		27.38

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
PGV	-1.76%	-0.11
ITA	-4.64%	-0.07
VJC	-0.48%	-0.07
VFG	-10.10%	-0.07
VIB	-0.45%	-0.06
PGI	-6.98%	-0.05
EIB	-0.54%	-0.04
HNG	-3.29%	-0.04
BWE	-1.62%	-0.03
LPB	-0.29%	-0.03
Tổng		-0.57

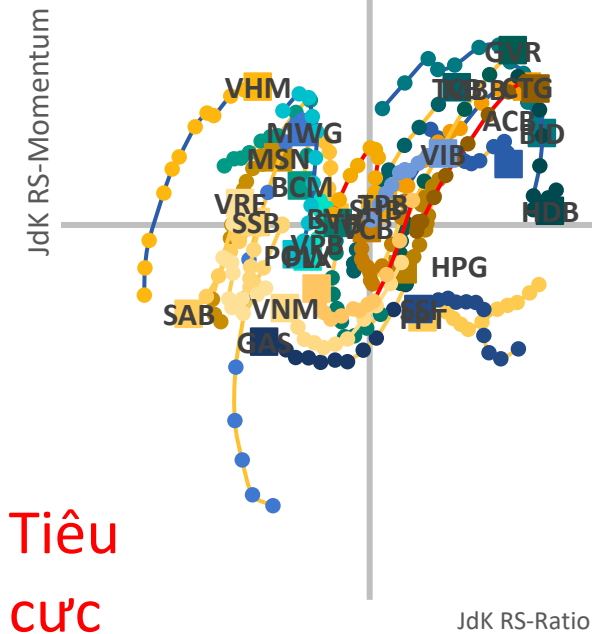
Khối ngoại mua ròng	
Mã	Mua ròng
HPG	621.62
SSI	532.77
DGC	329.26
VIX	188.79
VND	97.08
BID	94.39
VCI	86.34
IDC	85.43
KBC	80.18
DIG	79.07
Tổng	2,194.94

Khối ngoại bán ròng	
Mã	Mua ròng
FUEVFN	-352.04
VNM	-302.05
VHM	-285.40
VRE	-188.97
MSN	-146.37
VPB	-136.43
PVS	-133.23
STB	-119.17
GAS	-100.02
BCM	-92.41
Tổng	-1856.10

Vận động cổ phiếu VN30		
ACB	109.034	101.6147
BID	111.1713	102.4449
CTG	110.2042	103.6813
GVR	109.2885	104.6539
HDB	111.6977	100.3687
MBB	110.7632	103.631
SHB	100.3859	100.4227
TCB	105.6607	103.6656
TPB	100.8671	100.548
VIB	104.7692	101.9003
BCM	95.6266	101.0441
BVH	97.75289	100.1907
MSN	94.08739	101.7953
MWG	95.77895	102.4727
SSB	92.64475	100.0686
STB	97.94279	100.0487
VHM	92.76141	103.6869
VIC	89.78585	100.2926
VRE	91.62204	100.5782
FPT	103.4554	97.53195
HPG	102.1548	98.80599
SSI	103.1863	97.75311
GAS	93.17303	96.88272
PLX	95.99929	99.14953
POW	95.29779	99.2068
SAB	88.29595	97.62127
VCB	99.83748	99.90893
VJC	99.62724	95.63829
VNM	94.52874	97.77661
VPB	96.59158	98.29332

Hồi
phục

Tích
cực



Tiêu
cực

Suy
yếu

Nguồn: Bloomberg

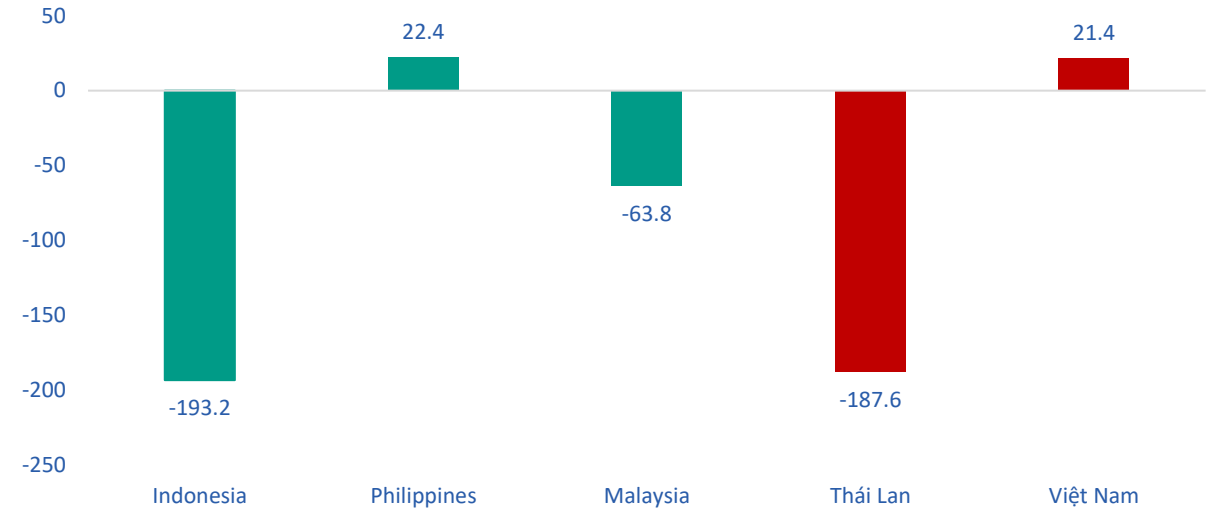
Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Diễn biến dòng vốn nước ngoài tại khu vực ASEAN

	WTD	MTD	QTD	YTD
Khu vực châu Á				
ASEAN 5	(400.8)	257.2	953.8	953.8
Indonesia	-193.2	-24.7	1155.4	1155.4
Philippines	22.4	12.1	220.5	220.5
Malaysia	-63.8	276.6	421.9	421.9
Thái Lan	-187.6	-23.2	-811.2	-811.2
Việt Nam	21.4	16.4	-32.8	-32.8
Các nước khác	1,299.3	6,867.8	10,774.5	10,774.5
Hàn Quốc	756.2	6119.5	8373.1	8373.1
Đài Loan	-11	265.7	5070.9	5070.9
Ấn Độ	556.3	483.1	-2657.5	-2657.5
Sri Lanka	(2.20)	(0.50)	(12.00)	(12.00)

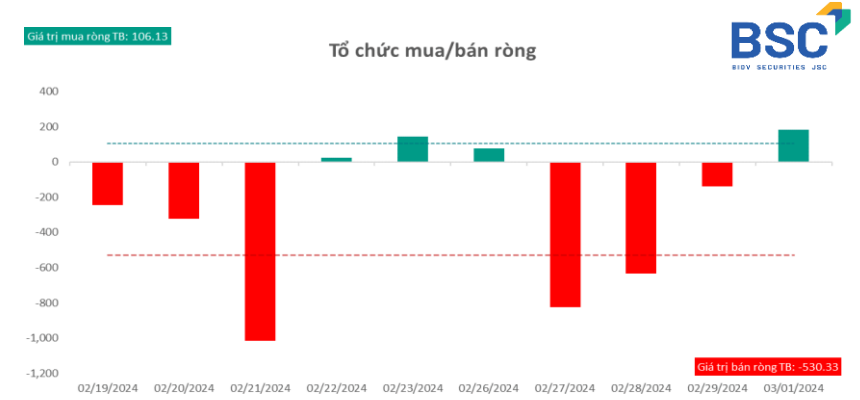
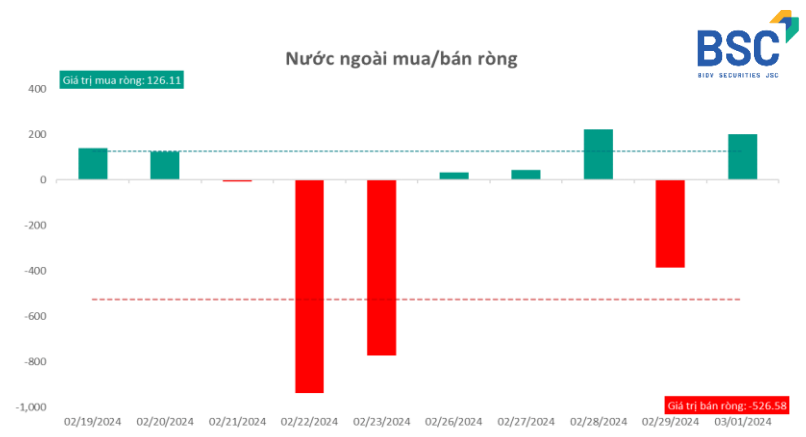
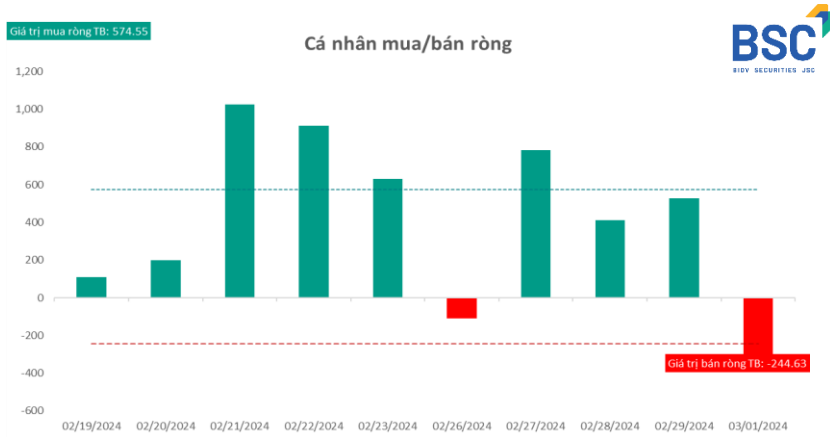


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Chi tiết diễn biến các ETF theo tuần

	Oct-23				Nov-23				Dec-23				Jan-24				Feb-24			
	W41	W42	W43	W44	W45	W46	W47	W48	W49	W50	W51	W52	W1	W2	W3	W4	W5	W6	W7	W8
Tổng	2.59	4.50	(1.34)	43.07	4.80	(29.05)	(4.75)	(4.17)	(100.90)	(37.16)	(23.77)	(0.70)	(23.33)	(19.81)	(35.45)	(24.06)	(24.53)	(2.84)	(4.04)	(26.66)
ETF ngoại	18.27	14.35	10.26	40.42	0.18	(6.49)	(4.46)	3.79	(69.82)	(22.18)	(7.54)	4.18	(12.91)	1.59	(17.99)	(21.21)	(19.02)	(2.84)	-	(18.98)
Fubon	3.14	14.42	11.53	40.42	(1.76)	(14.90)	0.93	0.74	0.75	4.42	8.43	5.28	0.00	0.77	0.00	0.00	0.75	1.13	0.00	1.15
VNM	0.00	(6.47)	(1.27)	0.00	0.00	0.00	(5.39)	0.00	0.00	(5.42)	0.00	0.00	0.00	0.00	(1.93)	0.00	0.00	0.00	0.00	1.29
FTSE	2.15	2.56	0.00	0.00	1.94	0.51	0.00	3.05	0.76	0.00	(2.92)	(1.10)	2.99	0.82	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	(8.15)
iShare	12.98	3.84	0.00	0.00	0.00	7.90	0.00	0.00	(71.33)	(21.18)	(13.05)	0.00	(15.90)	0.00	(16.06)	(21.21)	(19.77)	(3.97)	0.00	(13.27)
ETF nội	(15.68)	(9.85)	(11.60)	2.65	4.62	(22.56)	(0.29)	(7.96)	(31.08)	(14.98)	(16.23)	(4.88)	(10.42)	(21.40)	(17.46)	(2.85)	(5.51)	0.00	(4.04)	(7.68)
Diamond	(11.88)	(6.76)	(2.36)	(3.55)	(0.31)	(0.44)	4.83	0.00	(15.27)	(12.82)	(14.77)	(4.88)	(0.63)	(22.59)	(16.99)	(1.99)	(5.10)	0.00	(2.32)	(1.72)
E1	(0.74)	(1.83)	(7.80)	8.05	6.75	(0.55)	0.24	0.15	0.16	(0.31)	0.00	0.00	4.23	0.08	0.00	(1.66)	(0.41)	0.00	(1.72)	(6.80)
Finlead	(3.06)	(1.26)	(1.44)	(1.85)	(1.82)	(21.57)	(5.36)	(8.11)	(15.97)	(1.85)	(1.46)	0.00	(14.02)	1.11	(0.47)	0.80	0.00	0.00	0.00	0.84

DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN



Tự doanh						NĐTN						Cá nhân					
Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng			Top mua ròng			Top bán ròng		
Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị	Mã CK	Khối lượng	Giá trị
FUEFVND	13,410,700	389.11	SSI	3,315,402	-120.54	HPG	20,711,405	621.62	FUEFVND	12,096,520	-352.04	VHM	6,267,737	275.16	SSI	10,473,231	-384.71
E1VFN30	8,712,100	188.66	FPT	883,045	-97.00	SSI	14,550,529	532.77	VNM	4,202,643	-302.05	VNM	3,514,058	252.55	DGC	2,506,678	-265.58
FUESSVFL	2,403,000	49.47	HPG	2,974,602	-90.11	DGC	3,079,686	329.26	VHM	6,515,037	-285.40	FPT	1,958,709	212.25	VIX	12,568,458	-234.04
VIX	2,667,976	48.47	BID	1,468,029	-76.16	VIX	10,112,078	188.79	VRE	7,013,182	-188.97	PC1	7,327,594	202.73	OPC	8,584,929	-184.58
EIB	2,382,980	43.24	MWG	1,310,782	-60.03	VND	4,223,987	97.08	MSN	2,158,285	-146.37	STB	5,499,740	163.45	VND	5,704,787	-130.83
VNM	588,200	42.33	STB	1,597,700	-51.02	BID	1,806,957	94.39	VPB	7,105,361	-136.43	VPB	7,807,810	148.80	VCI	2,057,078	-95.27
MSN	446,000	31.50	GMD	640,305	-48.23	VCI	1,842,243	86.34	STB	4,112,650	-119.17	NVL	7,582,355	128.89	DIG	3,472,539	-94.00
PC1	850,778	23.63	GEX	2,031,900	-46.06	KBC	2,576,904	80.18	GAS	1,294,020	-100.02	VRE	4,685,582	127.00	CTD	989,464	-67.03
VHM	507,100	22.09	PNJ	506,900	-45.76	DIG	2,912,188	79.07	BCM	1,460,200	-92.41	NKG	5,265,707	121.45	DGW	909,270	-53.20
GAS	280,600	21.81	DGC	315,508	-34.62	NVL	4,333,770	73.81	PVD	2,839,780	-78.92	HPG	3,639,936	105.99	BAF	1,994,500	-52.51

DANH MỤC BSC 30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link
VCB	Ngân hàng	97.3	0.00%	0.60	22,088.00	9.40	5,910.00	16.50	105,000	23.50%	Link
BID	Ngân hàng	53.5	0.90%	0.90	12,387.00	2.70	3,781.00	14.20	54,578	17.10%	Link
VPB	Ngân hàng	19.6	-1.30%	1.10	6,332.00	7.80	1,267.00	15.50	23,685	16.60%	Link
TCB	Ngân hàng	41.8	-0.80%	1.10	5,988.00	15.80	5,111.00	8.20	-	22.50%	Link
MBB	Ngân hàng	24	-0.60%	1.10	5,083.00	20.00	3,966.00	6.10	24,400	23.20%	Link
STB	Ngân hàng	32	1.30%	1.00	2,446.00	35.30	4,094.00	7.80	31,200	24.40%	Link
GVR	BĐS KCN	29.2	1.90%	1.50	4,736.00	5.00	646.00	45.10	19,100	0.50%	Link
KBC	BĐS KCN	31.2	0.60%	1.60	973.00	7.60	2,606.00	12.00	42,500	20.30%	Link
IDC	BĐS KCN	58.9	0.00%	1.10	790.00	4.00	4,221.00	14.00	45,900	11.10%	Link
VGC	BĐS KCN	55.5	0.20%	1.30	1,011.00	3.20	2,717.00	20.40	-	4.80%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	30.8	-0.50%	1.30	7,286.00	33.80	1,176.00	26.20	23,300	26.40%	Link
VHM	Bất động sản	44	1.30%	1.30	7,773.00	12.30	7,607.00	5.80	79,900	24.20%	Link
VRE	BĐS	27	0.60%	1.10	2,460.00	14.80	1,940.00	13.70	38,900	32.10%	Link
KDH	BĐS	35	0.90%	1.40	1,135.00	6.60	897.00	39.00	44,100	38.90%	Link
NLG	BĐS	39.9	0.80%	1.30	624.00	5.60	1,257.00	31.70	46,100	41.40%	Link
DGC	Hóa chất	114	1.80%	1.40	1,758.00	13.90	8,146.00	14.00	85,000	13.50%	Link
DPM	Phân bón	35.1	1.00%	1.30	558.00	3.90	1,361.00	25.80	41,000	15.40%	Link
DCM	Phân bón	34.2	1.30%	1.50	735.00	8.80	2,095.00	16.30	36,000	11.40%	Link
GAS	Dầu khí	77.6	0.30%	0.80	7,239.00	3.10	5,053.00	15.40	110,500	2.90%	Link
PLX	Dầu khí	35.9	0.10%	1.00	1,853.00	1.00	2,213.00	16.20	45,000	17.30%	Link
PVS	Dầu khí	36.9	0.30%	0.80	716.00	8.70	1,812.00	20.40	38,500	20.30%	Link
PVD	Dầu khí	31.8	2.90%	1.00	718.00	9.60	1,035.00	30.70	29,000	21.30%	Link
POW	Tiện ích	11.8	0.90%	0.80	1,118.00	2.30	459.00	25.60	14,500	6.20%	Link
VNM	F&B	71.5	-0.70%	0.80	6,070.00	12.80	4,246.00	16.80	81,700	54.40%	Link
MSN	F&B	70.5	0.10%	1.70	4,097.00	10.80	293.00	240.90	27,700	30.50%	Link
MWG	Bán lẻ	46.6	0.90%	1.60	2,768.00	29.10	115.00	406.40	63,800	49.00%	Link
PNJ	Bán lẻ	95.7	5.90%	0.50	1,300.00	16.60	6,011.00	15.90	83,500	49.00%	Link
VHC	Thủy sản	73.6	0.10%	0.90	671.00	2.90	4,793.00	15.40	90,900	32.10%	Link
GMD	Logistics	80.5	5.90%	0.90	1,000.00	9.80	7,262.00	11.10	57,000	47.00%	Link
FPT	Công nghệ	110.8	1.70%	0.70	5,715.00	18.10	5,095.00	21.70	108,000	49.00%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC 50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
CTG	Ngân hàng	35.6	0.10%	1.10	7,765.00	13.30	3,723.00	9.60	1.50	27.10%	16.10%
ACB	Ngân hàng	27.8	-0.70%	0.80	4,386.00	11.50	4,131.00	6.70	1.50	30.00%	25.20%
HDB	Ngân hàng	23.3	0.00%	0.80	2,738.00	5.80	3,482.00	6.70	1.50	19.60%	23.20%
LPB	Ngân hàng	17	-0.30%	0.70	1,771.00	2.40	2,179.00	7.80	1.30	2.60%	15.90%
VIB	Ngân hàng	21.9	0.00%	1.20	2,256.00	4.30	3,376.00	6.50	1.50	20.50%	28.80%
VND	Chứng khoán	23.2	2.40%	1.60	1,148.00	40.20	1,662.00	14.00	1.70	22.60%	3.80%
TPB	Ngân hàng	19.8	0.00%	1.00	1,775.00	11.50	2,027.00	9.80	1.30	29.80%	19.80%
SSI	chứng khoán	37.4	0.90%	1.20	2,274.00	32.60	1,529.00	24.40	2.40	43.20%	9.00%
CII	Xây dựng	19	2.40%	1.70	245.00	8.10	589.00	32.20	-0.60	6.50%	2.60%
C4G	Xây dựng	11.8	2.60%	1.50	-	1.20	431.00	27.40	1.10	0.00%	5.20%
CTD	Xây dựng	69	3.40%	0.90	280.00	11.40	1,894.00	36.40	0.80	44.30%	0.80%
HHV	Xây dựng	15.7	2.30%	1.30	262.00	6.50	777.00	20.20	0.90	6.70%	4.20%
LCG	Xây dựng	14	6.90%	1.40	107.00	12.30	635.00	21.90	1.00	2.10%	3.80%
BCM	KCN	63.6	0.50%	0.90	2,674.00	2.20	2,359.00	27.00	3.70	2.10%	1.70%
HUT	KCN	19.1	-0.50%	1.70	692.00	2.20	45.00	425.00	1.90	1.60%	1.30%
PHR	KCN	56.4	1.30%	1.10	310.00	1.30	4,592.00	12.30	2.10	15.80%	26.90%
SZC	KCN	43.6	0.90%	1.40	318.00	4.60	1,827.00	23.80	3.00	3.20%	10.90%
HSG	Vật liệu	23	1.30%	1.70	577.00	8.90	1,321.00	17.50	1.30	22.10%	2.30%
HT1	Vật liệu	13.3	0.40%	1.40	206.00	0.10	44.00	300.00	1.10	3.10%	1.30%
NKG	Vật liệu	24.2	0.80%	1.60	258.00	5.80	464.00	52.00	1.20	16.00%	13.50%
PTB	Vật liệu	59.8	3.80%	0.50	163.00	3.40	4,368.00	13.70	1.50	20.90%	13.40%
KSB	Vật liệu	26.8	4.30%	1.60	125.00	4.60	1,066.00	25.10	1.00	3.00%	5.80%
NVL	BĐS	17.3	1.20%	2.00	1,370.00	15.40	413.00	41.90	0.90	3.50%	1.90%
DXG	BĐS	18.4	1.10%	2.00	540.00	7.00	245.00	75.40	1.40	20.00%	3.40%
HDC	BĐS	31	0.50%	1.50	170.00	2.20	972.00	32.00	2.20	1.30%	16.90%
DIG	BĐS	27.6	0.90%	1.80	682.00	15.00	283.00	97.30	2.20	5.20%	1.10%
IJC	BĐS	15.2	3.10%	1.60	233.00	3.40	1,569.00	9.70	1.00	5.90%	10.90%
BSR	Dầu khí	20	0.50%	1.20	-	4.30	2,745.00	7.30	1.10	0.80%	9.70%
PVT	Dầu khí	27.1	1.10%	0.80	356.00	2.70	2,998.00	9.00	1.20	12.30%	16.40%
PLC	Vật liệu	33.2	3.80%	1.30	109.00	0.60	1,333.00	24.90	2.00	1.20%	8.50%

DANH MỤC BSC 50 (tiếp)

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE
DRC	Săm lốp	32.7	-0.30%	0.80	158.00	1.20	2,086.00	15.70	2.10	13.60%	13.50%
REE	Tiện ích	62.3	1.80%	0.80	1,034.00	3.10	5,353.00	11.60	1.50	49.00%	18.50%
GEX	Tiện ích	23.2	4.00%	1.90	802.00	34.60	388.00	59.80	1.70	12.60%	5.40%
NT2	Tiện ích	26	1.40%	0.90	304.00	0.80	1,718.00	15.10	1.70	13.40%	16.20%
HDG	Bất động sản	28.4	7.00%	1.20	353.00	7.90	2,327.00	12.20	1.50	22.80%	16.80%
PC1	Tiện ích	28.4	2.30%	1.40	359.00	10.10	439.00	64.70	2.20	8.50%	5.00%
GEG	Tiện ích	13.2	0.00%	0.80	183.00	0.20	402.00	32.80	1.00	45.90%	5.60%
BCG	Tiện ích	8.6	1.70%	1.80	187.00	3.10	141.00	61.20	0.60	1.70%	0.30%
SAB	F&B	58.6	0.20%	0.90	3,053.00	2.00	3,210.00	18.30	3.20	61.70%	18.70%
QNS	F&B	48.7	0.60%	0.70	-	1.10	6,117.00	8.00	2.00	15.50%	24.30%
FRT	Bán lẻ	141	-2.80%	0.70	780.00	4.80	(2,537.00)	-55.60	13.60	36.20%	11.80%
DGW	Bán lẻ	59.2	6.10%	1.50	402.00	18.80	2,121.00	27.90	4.00	23.40%	21.90%
DBC	F&B	30	-0.70%	1.40	292.00	10.90	103.00	287.40	1.50	4.50%	2.90%
PET	Bán lẻ	25.8	3.20%	1.30	112.00	1.50	942.00	27.40	1.50	1.00%	5.70%
BAF	F&B	27	0.60%	0.40	157.00	6.00	139.00	194.20	2.30	0.30%	10.20%
ANV	Thủy sản	34.4	-0.60%	1.30	186.00	2.30	314.00	109.40	1.80	3.00%	10.00%
VSC	Logistics	22.8	1.30%	1.30	247.00	3.30	946.00	24.10	1.10	2.50%	7.90%
HAH	Logistics	42.9	2.30%	1.50	184.00	7.60	3,648.00	11.80	1.70	3.90%	24.60%
CTR	Công nghệ	105	0.00%	0.90	488.00	0.90	4,515.00	23.30	6.10	10.10%	32.10%
TNG	Dệt may	21.4	0.50%	1.10	99.00	1.40	1,997.00	10.70	1.50	18.60%	17.10%

Nguồn: BSC Research

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký